TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **191**/2025/DS-ST. Ngày: 29/9/2025. V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Danh Sà Khol.

2/ Ông Đỗ Văn Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thuý Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Trọng T**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ F, ấp S, xã H, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Phương C**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Văn Q** (chồng bà C), sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2024, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:*

Vào ngày 30/06/2023 âm lịch, bà Phạm Thị Phương C có vay của ông số tiền 60.000.000 đồng để sữa máy bay xịt thuốc. Việc vay tiền hay bên có làm giấy biên nhận tiền kiêm nhận nợ với nhau, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, tiền lãi đóng hàng tháng, bà C đồng ý và hứa trong vòng 12 tháng sẽ hoàn trả cho ông hết số tiền nêu trên. Trong suốt thời gian vay tiền bà C không đóng lãi cũng như chưa trả tiền nợ gốc cho ông. Mặc dù ông nhiều lần đến nhà đòi lại khoản tiền đã cho bà C vay thì bà C và ông Lê Văn Q là chồng bà C cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác và xin cho kéo dài thời gian trả nợ. Sự việc kéo dài đến nay đã hơn 05 tháng mà bà C vẫn không trả tiền cho ông và còn cố tình lẫn trốn nhằm né tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà Phạm Thị Phương C cùng chồng là ông Lê Văn Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/06/2023 đến ngày 30/09/2024 là 15 tháng, với mức lãi suất 2%/tháng, thành tiền là 18.000.000 đồng. Như vậy tổng gốc và lãi là 78.000.000 đông (*Bảy mươi tám triệu đồng*), đồng thời yêu cầu tính lãi tiếp số tiền trên cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi suất đối với bà C và không yêu cầu ông Q có trách nhiệm liên đới với bà Chi trả nợ cho ông; Ông chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Phương C phải trả cho ông số tiền vay gốc 60.000.000 đồng.

* ***Bị đơn bà Phạm Thị Phương C và ông Lê Văn Q:*** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phạm Thị Phương C và ông Lê Văn Q đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà C và ông Q đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T;

Buộc bà Phạm Thị Phương C phải trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T về việc tính lãi đối với bà C là 2%/tháng từ ngày 30/6/2023 đến ngày 30/9/2025 là 15 tháng với số tiền là 18.000.000 đồng và yêu cầu ông Lê Văn Q có trách nhiệm cùng bà Chi T1 nợ cho ông. Do ông T rút yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bà Phạm Thị Phương C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Nguyễn Trọng T yêu cầu bà Phạm Thị Phương C và ông Lê Văn Q phải trả cho ông số tiền vay còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản; bị đơn Phạm Thị Phương C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Văn Q có nơi cư trú tại ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp S, xã H, tỉnh An Giang) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ,

thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Phạm Thị Phương C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Q đã được Toà án triệu hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định như sau:

Vào ngày 30/06/2023 âm lịch, ông Nguyễn Trọng T có cho bà Phạm Thị Phương C vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay là để sữa máy bay xịt thuốc. Lãi suất thoả thuận 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng bà C phải trả hết số tiền vay cho ông T. Do bà C không thực hiện đúng như cam kết về việc trả nợ cho ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cho ông số tiền vay gốc còn nợ là 60.000.000đồng.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính 01 giấy biên nhận tiền kiêm nhận nợ đề ngày 30/6/2023 giữa bên đưa tiền là ông Nguyễn Trọng T với bên nhận mượn tiền là bà Phạm Thị Phương C; có cả chữ ký tên và chữ viết họ tên "Phạm Thị Phương C"; nội dung giấy biên nhận thể hiện bà C có vay và nhận số tiền 60.000.000đồng của ông T và thời hạn trả là 12 tháng. Ngoài ra hai bên còn có thoả thuận về quyền khởi kiện tại Toà án bất cứ lúc nào nếu hết thời hạn mà bên nhận tiền chưa trả nợ và bên nhận tiền phải chịu mọi chi phí khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Phạm Thị Phương C được biết nhưng bà không trình bày ý kiến, xem như từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền lợi của bà.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông T như cam kết nên ông T yêu cầu bà C phải trả cho ông số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng T tự nguyện rút yêu cầu tính lãi đối với bà C, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX

chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc tính lãi đối với bà Phạm Thị Phương C.

[3.3] Đối với ông Lê Văn Q (chồng bà C); Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn Q; ông T không yêu cầu ông Q cùng chịu trách nhiệm với bà Chi trả nợ cho ông. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu ông Lê Văn Q cùng bà Chi T1 nợ cho ông.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bà Phạm Thị Phương C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông T (60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng).

Ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T.

Buộc bà Phạm Thị Phương C phải trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền là 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Trọng T có đơn yêu cầu

thi hành án, phía bà Phạm Thị Phương C còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc tính lãi đối với bà Phạm Thị Phương C và yêu cầu ông Lê Văn Q phải có nghĩa vụ cùng trả nợ cho ông.

3/ Về án phí DSST: Buộc bà Phạm Thị Phương C phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000đồng (*Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009930 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - An Giang).

4/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Đ